TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 220/2018/DS-PT
Ngày: 14 - 11 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 275/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Bích N, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Chị Nguyễn Hồng L, sinh năm 1976 (có mặt)

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Hồng L; anh Nguyễn Văn H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Bích N trình bày: Ngày 17/11/2013 (âm lịch) chị Nguyễn Hồng L hỏi vay của chị 30.000.000 đồng, lãi suất 01 tháng 900.000 đồng, có làm biên nhận nợ, thỏa thuận khoảng 01 tháng trả lại nhưng đến nay không trả vốn cũng như lãi theo thỏa thuận. Đến ngày 22/11/2013 chị L hỏi mượn số tiền 55.100.000 đồng, có làm biên nhận, thỏa thuận từ 02 đến 03 ngày trả lại nhưng đến nay không hoàn trả lại cho chị. Thời gian sau anh H là chồng chị L biết việc vay

mượn tiền nên ngày 27/1/2103 anh H trả cho chị 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N yêu cầu trả lại 55.100.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Đối với 30.000.000 đồng tiền vay yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật kể cả tiền lãi suất.

Bị đơn chị Nguyễn Hồng L trình bày: Chị xác định có vay của chị N 30.000.000 đồng vào năm 2013 nhưng lãi thỏa thuận 01 tháng bằng 4.500.000 đồng. Sau khi vay có trả lãi cho chị N 02 tháng bằng 9.000.000 đồng thì không có khả năng trả tiếp, không biết chị N nói gì với anh H thì anh H trả cho chị N 20.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 10.000.000 đồng và đồng ý trả. Đối với số tiền chị N kiện đòi 55.100.000 đồng theo chị N trình bày là đúng. Tuy nhiên trong thời gian này giữa chị và chị N có tham gia giao dịch hụi với nhau, chị làm chủ hụi tháng, chị N chủ hụi ngày, quá trình chơi hụi hai bên cấn trừ nhau và trừ xong số tiền mượn nợ trên, hiện chị còn nợ lại chị N một vài triệu đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị xác định chị N còn nợ chị dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 10/5/2013âl số tiền 24.000.000 đồng và yêu cầu đối trừ vào số tiền 55.100.000 đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh không biết việc chị L vay mượn tiền của chị N và thời điểm này chị L nợ nhiều người khác, chị N nói với anh là vợ anh có vay 30.000.000 đồng. Vì tình nghĩa thân quen với chị N và muốn giữ uy tín nên anh lấy trả cho chị N 20.000.000 đồng. Đối với số nợ 55.100.000 đồng và việc hai bên có giao dịch chơi hụi thì anh không biết. Nay anh đồng ý trả 10.000.000 đồng tiền vay và lãi suất theo quy định pháp luật. Đối với 55.100.000 đồng anh không đồng ý trả lại cho chị N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N. Buộc chị Nguyễn Hồng L và anh Nguyễn Văn H phải hoàn trả lại cho chị Lê Bích N 72.487.883 đồng (Bảy mươi hai triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi ba đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trường hợp thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 05/9/2018 anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Hồng L có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Cụ thể: anh H không đồng ý liên đới trả cho chị N số tiền 72.487.883 đồng; anh H và chị L yêu cầu đối trừ số tiền hụi mà chị N còn nợ lại là 24.000.000 đồng, anh, chị chỉ đồng ý trả cho chị N 48.487.883 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Hồng L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng pháp luật tố tụng dân sự, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Hồng L, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn H về việc không đồng ý liên đới trả cho chị N số tiền 72.487.883 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ thời điểm chị L vay mượn tiền của chị N đến nay, chị L và anh H là vợ chồng hợp pháp, anh H biết việc chị L vay mượn tiền của chị N, đồng thời anh cũng trực tiếp trả cho chị N 20.000.000 đồng trong tổng số tiền của chị L vay mượn của chị N. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm (BL 39-42), chị L thừa nhận chị mở hụi, vay mượn tiền để choàng hụi cho các hụi viên đều nhằm mục đích tạo ra nguồn tiền để chi phí cho sinh hoạt gia đình, phát triển kinh tế, đây là những nhu cầu thiết yếu của gia đình. Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định "nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình" là một trong những nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Mặt khác, tại đơn kháng cáo của anh H, chị L (BL 52-53) có nội dung "đối với số tiền chúng tôi đã vay của bà N là 72.487.883 đồng, chúng tôi yêu cầu được đối trừ đối với khoản tiền hụi bà N còn nợ lại chúng tôi…". Nội dung này cho thấy anh H đã thừa nhận các giao dịch với chị N đều do anh và chị L cùng thực hiện, đồng thời cũng cho thấy anh H và chị L đồng ý về số tiền vay mà phía nguyên đơn đưa ra. Về lãi suất, cấp sơ thẩm đã tính đúng theo quy định của pháp luật. Do đó anh H phải liên đới chịu trách nhiệm với chị L trả cho chị N số tiền nêu trên. Từ những phân tích trên, kháng cáo của anh Nguyễn Văn H về việc không đồng ý liên đới trả cho chị N số tiền 72.487.883 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của anh H và chị L yêu cầu đối trừ số tiền hụi mà chị N còn nợ lại là 24.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm, chị L không thực hiện các thủ tục để yêu cầu phản tố, do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm và phúc thẩm không thể xem xét giải quyết. Trường hợp giữa chị N và chị L, anh H không thể thỏa thuận được về nội dung này thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Do đó, không có cơ sở để xem xét nội dung kháng cáo này của anh H và chị L.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Hồng L phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Hồng L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N. Buộc chị Nguyễn Hồng L và anh Nguyễn Văn H phải hoàn trả lại cho chị Lê Bích N

72.487.883 đồng (Bảy mươi hai triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi ba đồng).

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm, chị Nguyễn Hồng L và anh Nguyễn Văn H phải chịu 3.624.000 đồng (làm tròn số). Chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị N 3.297.300 đồng tiền dự nộp tại biên lai số 0008109 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án phí phúc thẩm, chị Nguyễn Hồng L và anh Nguyễn Văn H mỗi người phải nộp 300.000 đồng. Ngày 05/9/2018 chị Nguyễn Hồng L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008635, anh Nguyễn Văn H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008636 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Cao Khánh